Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 12.2019 08:20:15 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2770 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hòa Thành năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BNV ngày 30/5/2006 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều qui định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định tiêu chí phân loại ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Hòa Thành tại Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 19/11/2019 về việc phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hòa Thành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 707/TTr-SNV ngày 17../11../2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết quả phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hòa Thành năm 2019 *(có Phụ lục kết quả phân loại ấp, khu phố kèm theo).*

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Hòa Thành chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Vp. Chính phủ; - Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ; - TT.TU, TT.HĐND tỉnh; - CT, các PCT. UBND tỉnh; - Như Điều 2; - Lưu: VT, VP.ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Nguyễn Thanh Ngọc**



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN HÒA THÀNH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2710 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**UBND Thị trấn Hoa Thành (04 khu phố)**	**227.479**	**12,593**	**3,309**	**x**									
1	Khu phố 1	20.833	2,230	620				35	79	80	30	**224**	Loại 2	**Loại 2**
2	Khu phố 2	28.811	2,399	672				35	83	85	30	**233**	Loại 2	**Loại 2**
3	Khu phố 3	38.768	3,251	813				35	104	99	30	**268**	Loại 1	**Loại 1**
4	Khu phố 4	139.067	4,713	1,204				64	141	138	30	**373**	Loại 1	**Loại 1**
II	**UBND xã Hiệp Tân (05 ấp)**	**651.71**	**18,342**	**5,188**	**x**									
5	Ấp Hiệp Hòa	159	5,340	1,537				35	199	182	30	**446**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp Hiệp Trường	354.61	4,323	1,311				52	165	159	30	**406**	Loại 1	**Loại 1**
7	Ấp Hiệp An	32.80	2,995	797				35	121	108	30	**294**	Loại 1	**Loại 1**
8	Ấp Hiệp Long	68.50	3,366	907				35	134	119	30	**318**	Loại 1	**Loại 1**
9	Ấp Hiệp Định	36.80	2,318	636				35	99	92	30	**256**	Loại 2	**Loại 2**
III	**UBND xã Long Thành Bắc (05 ấp)**	**496.77**	**18,126**	**5,165**	**x**									
10	Ấp Long Mỹ	142.65	5,704	1,726				35	200	200	30	**465**	Loại 1	**Loại 1**
11	Ấp Long Tân	53.05	4,215	1,191				35	162	147	30	**374**	Loại 1	**Loại 1**

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
12	Ấp Long Đại	82.85	4,105	1,157				35	158	144	30	**367**	Loại 1	**Loại 1**
13	Ấp Long Thời	30.77	3,287	847				35	131	113	30	**309**	Loại 1	**Loại 1**
14	Ấp Sân Cu	187.45	815	244				35	46	50	30	**161**	Loại 3	**Loại 3**
IV	**UBND xã Long Thành Trung (05 ấp)**	**966.33**	**18,972**	**5,091**	**x**									
15	Ấp Long Chí	74.23	3,479	895				35	137	118	30	**320**	Loại 1	**Loại 1**
16	Ấp Long Thành	91.62	4,527	1,267				35	172	155	30	**392**	Loại 1	**Loại 1**
17	Ấp Long Trung	705.11	4,376	1,186				89	167	147	30	**433**	Loại 1	**Loại 1**
18	Ấp Long Thới	64.31	3,806	1,038				35	148	132	30	**345**	Loại 1	**Loại 1**
19	Ấp Long Kim	31.06	2,784	705				35	114	99	30	**278**	Loại 1	**Loại 1**
V	**UBND xã Long Thành Nam (05 ấp)**	**1,075.52**	**16,086**	**4,415**	**x**									
20	Ấp Long Bình	164.35	4,686	1,205				35	178	149	30	**392**	Loại 1	**Loại 1**
21	Ấp Long Khương	70.40	2,962	904				35	120	118	30	**303**	Loại 1	**Loại 1**
22	Ấp Long Yên	166.55	2,930	807				35	119	109	30	**293**	Loại 1	**Loại 1**
23	Ấp Giang Tân	64.40	2,104	573				35	91	85	30	**241**	Loại 2	**Loại 2**
24	Ấp Bến Kéo	609.83	3,404	926				79	135	121	30	**365**	Loại 1	**Loại 1**
VI	**UBND xã Trường Hòa (04 ấp)**	**1,810.25**	**12,082**	**3,399**	**x**									
25	Ấp Trường Thọ	260.50	3,028	866				42	122	115	30	**309**	Loại 1	**Loại 1**
26	Ấp Trường Thiện	434.40	3,938	1,038				61	153	132	30	**376**	Loại 1	**Loại 1**

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
27	Ấp Trường Cửu	525.50	2,377	698				71	101	98	30	**300**	Loại 1	**Loại 1**
28	Ấp Trường Xuân	589.85	2,739	797				77	113	108	30	**328**	Loại 1	**Loại 1**
VII	**UBND xã Trường Đông (05 ấp)**	**2,286.55**	**16,707**	**4,785**	**x**									
29	Ấp Trường Lưu	478.24	4,008	1,147				66	155	143	30	**394**	Loại 1	**Loại 1**
30	Ấp Trường Ân	259.52	3,998	1,139				42	155	142	30	**369**	Loại 1	**Loại 1**
31	Ấp Trường Phú	435.82	2,939	838				61	119	112	30	**322**	Loại 1	**Loại 1**
32	Ấp Trường Đức	482.28	3,113	837				66	125	112	30	**333**	Loại 1	**Loại 1**
33	Ấp Năm Trại	630.69	2,649	824				81	110	110	30	**331**	Loại 1	**Loại 1**
VIII	**UBND xã Trường Tây (06 ấp)**	**777.82**	**25,109**	**6,794**	**x**									
34	Ấp Trường Giang	61.57	2,376	671				35	101	95	30	**261**	Loại 2	**Loại 2**
35	Ấp Trường Phước	57.492	3,725	924				35	146	120	30	**331**	Loại 1	**Loại 1**
36	Ấp Trường Lộc	71.87	3,386	912				35	134	119	30	**318**	Loại 1	**Loại 1**
37	Ấp Trường An	273.33	6,185	1,735				43	200	200	30	**473**	Loại 1	**Loại 1**
38	Ấp Trường Huệ	158.258	3,495	831				35	138	111	30	**314**	Loại 1	**Loại 1**
39	Ấp Long Hải	155.30	5,942	1,721				35	200	200	30	**465**	Loại 1	**Loại 1**

Tổng số: 39 ấp, khu phố trong đó:

Loại 1: **33**
Loại 2: **5**
Loại 3: **1**



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN HÒA THÀNH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Số TT	Đơn vị	Tổng số ấp, khu phố	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	UBND Thị trấn Hòa Thành	4	2	2		
2	UBND xã Hiệp Tân	5	4	1		
3	UBND xã Long Thành Bắc	5	4		1	
4	UBND xã Long Thành Trung	5	5			
5	UBND xã Long Thành Nam	5	4	1		
6	UBND xã Trường Hòa	4	4			
7	UBND xã Trường Đông	5	5			
8	UBND xã Trường Tây	6	5	1		
Tổng số		**39**	**33**	**5**	**1**	